

UBND TỈNH PHÚ YÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 352/QĐ-ĐHPY

Phú Yên, ngày 15 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh (bậc THCS)
trình độ đại học, hệ chính quy, khóa đào tạo 2020-2024**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 42/VBHN-VPQH, ngày 10 tháng 12 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-TTg, ngày 24 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc phân công phụ trách Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo “Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định “Về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ”;

Căn cứ Quyết định số 414/QĐ-ĐHPY ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc Ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, trình độ cao đẳng (khối ngành I) hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng khoa Khoa Ngoại ngữ Trường Đại học Phú Yên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo ngành **Sư phạm Tiếng Anh bậc THCS (mã số 7140231)** trình độ đại học hệ chính quy, khóa đào tạo 2020-2024.

Điều 2. Căn cứ chương trình này, các khoa, bộ môn có trách nhiệm tổ chức cho giảng viên xây dựng *Đề cương chi tiết học phần* để sử dụng chính thức trong

giảng dạy. Chương trình này được công bố công khai cho sinh viên thuộc ngành đào tạo biết khi bắt đầu khóa học.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng khoa Khoa Ngoại ngữ, các phòng, ban, khoa, bộ môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu ĐT, VT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Nguyễn Định

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 352/QĐ-ĐHPY ngày 15 tháng 10 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên)

Tên chương trình: SƯ PHẠM TIẾNG ANH BẬC THCS
(Secondary English Teacher Education)

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo: SƯ PHẠM TIẾNG ANH
(English Teacher Education)

Mã số: 7140231

Loại hình đào tạo: HỆ CHÍNH QUY

Loại bằng: CỬ NHÂN

Khoa quản lý: KHOA NGOẠI NGỮ

Website: www.pyu.edu.vn

1. Giới thiệu chung

- *Triết lý giáo dục của Trường Đại học Phú Yên: “Chất lượng - Hiệu quả - Sáng tạo - Vì cộng đồng”.*

- *Về chương trình của ngành đào tạo: Chất lượng - Hiệu quả - Hội nhập.*
Chương trình giáo dục đại học chuyên ngành Sư phạm Tiếng Anh Trung học cơ sở nhằm đào tạo Cử nhân đại học có trình độ ngoại ngữ đạt chuẩn, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có đầy đủ phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, để thực hiện công tác giáo dục và dạy học bộ môn Tiếng Anh bậc trung học cơ sở, đáp ứng đòi hỏi giáo dục phổ thông trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

- Chương trình cung cấp kiến thức về hệ thống ngôn ngữ Tiếng Anh, các kỹ năng ngôn ngữ; về văn hóa, văn học của các nước nói Tiếng Anh có so sánh đối chiếu với văn hóa, văn học Việt Nam;

- Chương trình trang bị kiến thức về lý luận dạy học, các phương pháp dạy học ngoại ngữ hiện đại phù hợp với bậc học trung học cơ sở; kỹ năng sử dụng máy tính và khai thác các tiện ích của công nghệ thông tin để phục vụ nhu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu, và thực hiện nghề nghiệp trong tương lai.

- Chương trình trang bị những kỹ năng mềm như: kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lên kế hoạch, kỹ năng tư duy phân biện và các kỹ năng khác.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

- PO1: Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, nhân văn phù hợp với ngành đào tạo sư phạm Tiếng Anh bậc trung học cơ sở.

- PO2: Có kiến thức cơ bản về hệ thống ngôn ngữ và kỹ năng ngôn ngữ Tiếng Anh đạt chuẩn tương đương trình độ B2 (bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

- PO3: Có kiến thức khoa học sư phạm: cơ sở lý luận và phương pháp dạy học Tiếng Anh; giáo dục học sinh và quản lý giáo dục.

2.2.2. Về kỹ năng

- PO4: Đạt trình độ về năng lực Tiếng Anh bậc 4/6 và tiếng Pháp bậc 2/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- PO5: Kết hợp linh hoạt và chính xác nhiều kỹ năng phục vụ công tác giảng dạy: lên kế hoạch bài giảng, thực hiện bài giảng, quản lý các hoạt động học tập, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập.

- PO6: Tích hợp hoạt động dạy học với hoạt động giáo dục học sinh, quản lý giáo dục.

- PO7: Khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực về công nghệ, tài liệu, và phương tiện dạy học để phục vụ công tác giảng dạy.

2.2.3. Về thái độ

- PO8: Thể hiện đạo đức, lối sống chuẩn mực của nhà giáo, ý thức trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, năng lực tự học, tự nghiên cứu.

- PO9: Tôn trọng các giá trị văn hóa, văn học, lịch sử của các quốc gia .

2.2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Chủ động và sáng tạo vận dụng hiệu quả các kiến thức, kỹ năng về chuyên ngành đào tạo, có sáng kiến tích hợp trong quá trình thực hiện công việc giảng dạy Tiếng Anh.

- Định hướng và thích nghi với nhiều môi trường làm việc; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

2.2.5. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

- Giáo viên Tiếng Anh ở các trường trung học cơ sở, các cơ sở giáo dục trung học cơ sở, tiểu học, các trung tâm dạy học Tiếng Anh.

- Nhân viên ở các tổ chức, cơ sở cần người có năng lực sử dụng Tiếng Anh trong công việc.

2.2.6. Khả năng học tập nâng cao

- Tự học và nghiên cứu chuyên môn, nghiệp vụ để phát triển kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí công tác.

- Học ở các trình độ cao hơn thuộc chuyên ngành Sư phạm Tiếng Anh và các chuyên ngành gần.

3. Chuẩn đầu ra

Theo Quyết định số 245/QĐ-ĐHPY ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc ban hành chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy, khóa tuyển sinh năm 2020.

3.1. Chuẩn đầu ra chung – PLO: (theo Quyết định số 245/QĐ-ĐHPY)

3.2. Về kiến thức

- PLO1: Hiểu biết kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, nghệ thuật để nghiên cứu và dạy học môn Tiếng Anh trong chương trình giáo dục phổ thông bậc trung học cơ sở.

- PLO2: Vận dụng kiến thức về hệ thống ngôn ngữ Tiếng Anh và văn hóa của các nước nói Tiếng Anh vào việc giảng dạy Tiếng Anh bậc trung học cơ sở.

- PLO3: Phân tích kiến thức khoa học sư phạm để dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập bộ môn Tiếng Anh bậc trung học cơ sở theo hướng phát triển năng lực.

- PLO4: Vận dụng kiến thức về xây dựng môi trường giáo dục và phối hợp với phụ huynh học sinh, với các tổ chức xã hội để thực hiện hoạt động dạy học và giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh trung học cơ sở.

3.3. Về kỹ năng

- PLO5: Đạt trình độ về năng lực Tiếng Anh bậc 4/6 và tiếng Pháp bậc 2/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- PLO6: Phối hợp nhiều kỹ năng trong dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Anh bậc trung học cơ sở.

- PLO7: Thực hiện chính xác việc lựa chọn nội dung, phương pháp khi lập kế hoạch giáo dục và dạy học Tiếng Anh bậc trung học cơ sở.

- PLO8: Xử lý chính xác các tình huống sư phạm với học sinh và phụ huynh học sinh trong giáo dục, dạy học và các hoạt động trải nghiệm ở trường trung học cơ sở.

- PLO9: Thực hiện chính xác trong trao đổi, thảo luận, làm việc về công tác giáo dục và dạy học bậc trung học cơ sở với các đồng nghiệp và các bên liên quan.

3.4. Về thái độ

- PLO10: Chấp nhận phong cách, đạo đức theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông.

- PLO11: Tôn trọng giá trị văn hóa của mỗi quốc gia.

3.5. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Chủ động, tự tin và sáng tạo trong công tác giáo dục và dạy học Tiếng Anh bậc trung học cơ sở trong các điều kiện kinh tế-xã hội khác nhau.

- Có năng lực lập kế hoạch giảng dạy, kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập, và giáo dục học sinh trung học cơ sở theo đúng định hướng của ngành.

Bảng 3.1: Quan hệ đáp ứng giữa chuẩn đầu ra với mục tiêu của CTĐT.

Mục tiêu POs	Chuẩn đầu ra PLOs										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
PO1	x	x	x	x		x					
PO2		x	x		x	x	x				x
PO3			x	x		x	x	x	x		
PO4	x	x				x	x	x	x		
PO5	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x
PO6			x	x		x	x	x	x		
PO7	x	x	x		x	x					
PO8			x	x		x	x	x	x	x	x
PO9		x			x		x			x	x

4. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương. Các quy định khác theo quy chế Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy.

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Tổng số tín chỉ toàn khóa là 134 tín chỉ bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn (chưa kể Giáo dục thể chất 4 tín chỉ và Giáo dục quốc phòng – an ninh 8 tín chỉ).

STT	Cấu trúc kiến thức của chương trình	Tín chỉ	Tín chỉ bắt buộc	Tín chỉ tự chọn
1	Khối giáo dục đại cương (chưa kể giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh)	36	34	2
2	Khối giáo dục chuyên nghiệp	98	81	17
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	59	49	10

2.2	Kiến thức chuyên ngành	24	24	0
2.3	Thực tập sư phạm, thực tế	8	8	0
2.4	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế	7	0	7
Tổng cộng		134	115	19

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quyết định số 414/QĐ-ĐHPY ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc Ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, trình độ cao đẳng (khối ngành I) hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Bảng 6.1: Mô tả sự chuyển tải triết lý giáo dục vào CTĐT

Chương trình đào tạo: SƯ PHẠM TIẾNG ANH THCS		Triết lý giáo dục			
		Chất lượng	Hiệu quả	Sáng tạo	Vì cộng đồng
Khối kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức đại cương	x	x		
	Khối kiến thức cơ sở ngành	x	x		
	Khối kiến thức chuyên ngành	x	x	x	x
	Thực tập tốt nghiệp	x	x	x	x
	Luận văn tốt nghiệp/Học phần thay thế	x		x	x
Hoạt động ngoại khóa	Nghiên cứu khoa học sinh viên	x	x	x	x
	Thi nghiệp vụ/Thực hành nghề nghiệp	x	x	x	x
	Căn cứ vào các hoạt động Đoàn khoa theo năm học: - Câu lạc bộ Tiếng Anh định kỳ - Cuộc thi hùng biện Tiếng Anh - Đa hội Đón chào năm mới...	x	x	x	x
Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	PLO1	x	x		x
	PLO2	x	x	x	x
	PLO3	x	x		x
	PLO4	x	x	x	x
	PLO5	x	x		x
	PLO6	x	x	x	x
	PLO7	x	x	x	x
	PLO8	x	x	x	x
	PLO9	x	x		x
	PLO10	x	x		x
	PLO11	x	x		x

7. Nội dung chương trình

Bảng 7.1: Nội dung chương trình đào tạo

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Tự học (nếu có)	Điều kiện tiên quyết (số thứ tự HP)
				LT	BT/TL	TH/TT		
7.1.	Kiến thức giáo dục đại cương		36	415	60	130	0	
7.1.1	Lý luận chính trị		11	165	0	0	0	
1	LC111013	Triết học Mác - Lênin	3	45	0	0	0	
2	LC112112	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0	0	0	1
3	LC113112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	0	0	2
4	LC124112	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	0	0	3
5	LC120012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	4
7.1.2	Khoa học xã hội, nhân văn, nghệ thuật		14	145	20	90	0	
	- Bắt buộc:		12	125	10	90	0	
6	LC130012	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	
7	TL111032	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	30	0	0	0	1
8	XH113152	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	20	10	0	0	
9	NT110922	Âm nhạc đại cương	2	15	0	30	0	
10	NT120922	Thiết kế đồ dùng trực quan phục vụ giảng dạy Tiếng Anh	2	15	0	30	0	
11	TL111322	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm	2	15	0	30	0	
	- Tự chọn: chọn 2/4 tín chỉ		2	20	10	0	0	
12	XH113032	Tiếng Việt thực hành	2	20	10	0	0	
13	XH140012	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	20	10	0	0	
7.1.3	Ngoại ngữ		8	80	40	0	0	
14	NG113813	Tiếng Pháp 1	3	30	15	0	0	
15	NG113823	Tiếng Pháp 2	3	30	15	0	0	14
16	NG113812	Tiếng Pháp 3	2	20	10	0	0	15
7.1.4	Khoa học công nghệ		3	25	0	40	0	
17	KC100013	Tin học đại cương	3	25	0	40	0	
7.1.5	Giáo dục thể chất		4	0	0	120	0	
18	TC120011	Giáo dục Thể chất 1 (Thể dục)	1	0	0	30	0	
19	TC121011	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh)	1	0	0	30	0	18
20	TC122001	Giáo dục Thể chất 3 (Thể thao tự chọn cơ bản)	1	0	0	30	0	19
21	TC123001	Giáo dục Thể chất 4 (Thể thao tự chọn nâng cao)	1	0	0	30	0	20
7.1.6	Giáo dục quốc phòng – an ninh						0	
22	TC160018	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	8 tín chỉ = 165tiết				
7.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		98	880	390	160+ 360 giờ	0	
7.2.1	Kiến thức cơ sở ngành		59	590	295	0	0	
7.2.1.1	Kiến thức Hệ thống ngôn ngữ		12	120	60	0	0	
	- Bắt buộc:		10	100	50	0	0	
23	NG111012	Luyện âm	2	20	10	0	0	
24	NG111212	Ngữ pháp 1	2	20	10	0	0	

25	NG111222	Ngữ pháp 2	2	20	10	0	0	23
26	NG111022	Ngữ âm-Âm vị học	2	20	10	0	0	23
27	NG111052	Ngữ nghĩa học	2	20	10	0	0	26
		-Tự chọn: chọn 2/4 tín chỉ	2	20	10	0	0	
28	NG111062	Cú pháp học	2	20	10	0	0	25
29	NG112172	Từ vựng học	2	20	10	0	0	25
7.2.1.2		Kiến thức Văn hóa-Văn học	6	60	30	0	0	
		-Tự chọn: chọn 6/12 tín chỉ	6	60	30	0	0	
30	NG112132	Đất nước học Anh	2	20	10	0	0	
31	NG112142	Đất nước học Mỹ	2	20	10	0	0	
32	NG112242	Văn học Anh	2	20	10	0	0	
33	NG112122	Văn học Mỹ	2	20	10	0	0	
34	NG112182	Văn hóa của các nước nói Tiếng Anh	2	20	10	0	0	
35	NG112152	Giao thoa văn hóa	2	20	10	0	0	
7.2.1.3		Kiến thức Kỹ năng và Thực hành tiếng	41	410	205	0	0	
		-Bắt buộc:	36	360	180	0	0	
36	NG113693	Nghê 1	3	30	15	0	0	
37	NG113703	Nói 1	3	30	15	0	0	
38	NG113713	Đọc 1	3	30	15	0	0	
39	NG113723	Viết 1	3	30	15	0	0	
40	NG113733	Nghê 2	3	30	15	0	0	36
41	NG113743	Nói 2	3	30	15	0	0	37
42	NG113753	Đọc 2	3	30	15	0	0	38
43	NG113763	Viết 2	3	30	15	0	0	39
44	NG113773	Nghê 3	3	30	15	0	0	40
45	NG113783	Nói 3	3	30	15	0	0	41
46	NG113793	Đọc 3	3	30	15	0	0	42
47	NG113803	Viết 3	3	30	15	0	0	43
		-Tự chọn: chọn 5/10 tín chỉ	5	50	25	0	0	
48	NG111122	Kỹ năng giao tiếp	2	20	10	0	0	
49	NG113402	Kỹ năng thuyết trình	2	20	10	0	0	
50	NG113553	Kỹ năng Biên phiên dịch	3	30	15	0	0	
51	NG114273	Tiếng Anh tổng hợp B2	3	30	15	0	0	
7.2.2		Kiến thức chuyên ngành:	24	230	60	140	0	
52	TL110012	Tâm lý học đại cương	2	25	5	0	0	1
53	TL110122	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm THCS	2	25	5	0	0	51
54	TL100182	Giáo dục học đại cương	2	25	5	0	0	51
55	TL111302	Lý luận giáo dục THCS và lý luận dạy học THCS	2	25	5	0	0	52
56	TL111242	Quản lý nhà trường	2	30	0	0	0	1
57	TL110001	Rèn luyện NVSP thường xuyên (1)	1	0	0	30	0	
58	TL110201	Rèn luyện NVSP thường xuyên (2)	1	0	0	30	0	56
59	TL110301	Rèn luyện NVSP thường xuyên (3)	1	0	0	30	0	57
60	TL110401	Rèn luyện NVSP thường xuyên (4)	1	0	0	30	0	58
61	NG114242	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh THCS 1 (Nhập môn Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh THCS)	2	20	10	0	0	
62	NG114243	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh THCS 2 (Dạy học hệ thống ngôn ngữ)	3	30	10	10	0	60

63	NG114253	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh THCS 3 (Dạy học kỹ năng ngôn ngữ)	3	30	10	10	0	61
64	NG114252	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh THCS 4 (Kiểm tra-đánh giá)	2	20	10	0	0	62
7.2.3	Thực tế, Thực tập sư phạm tốt nghiệp		8	0	0	360	0	
65	NG114091	Tham quan thực tế	1	0	0	45	0	
66	DT100027	Thực tập sư phạm tốt nghiệp (10 tuần)	7	0	0	315	0	
7.2.4	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế		7					
67	Khoá luận tốt nghiệp		7					
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		7	60	35	20	0	
	- Tự chọn: chọn 7/14 tín chỉ		7	60	35	20	0	
68	NG116213	Tiếng Anh chuyên ngành Văn hóa – du lịch	3	30	15	0	0	
69	NG111143	Ngôn ngữ và văn hóa	3	30	15	0	0	
70	NG114262	Tiếp cận Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Tiểu học 1	2	15	10	10	0	
71	NG113712	Phương pháp dạy trẻ mầm non làm quen với Tiếng Anh 1	2	15	10	10	0	
72	NG114272	Tiếp cận Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Tiểu học 2	2	15	10	10	0	68
73	NG113722	Phương pháp dạy trẻ mầm non làm quen với Tiếng Anh 2	2	15	10	10	0	69
Tổng cộng			134	1190	435	470 + 315 giờ	0	

Ghi chú: Điều kiện tiên quyết thực hiện theo quy định của Trường Đại học Phú Yên.

Bảng 7.2: Mô tả liên hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo I (Introduced) – HPs hỗ trợ đạt được PLOs ở mức giới thiệu/bắt đầu.
R (Reinforced) – HPs hỗ trợ đạt được PLOs ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội thực hành, thí nghiệm, thực tế
M (Mastery) – HPs hỗ trợ đạt được PLOs ở mức thuần thục.
A (Assessed) – HP quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được các PLO)

Học phần	Chuẩn đầu ra PLOs										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
HP 1	I			R						R	R
HP 2	I			R						R	R
HP 3	I			R						R	R
HP 4	I			R						R	R
HP 5	I			R						R	R
HP 6	I			R						R	R
HP 7	I										
HP 8	I	R			R						

HP 9	I		R	M		R	R					
HP 10	I		R	M		R	R					
HP 11	I			R		R		R	R	R	R	R
HP 12	I	R			R				R			
HP 13	R	R			R							R
HP 14		R			M							M
HP 15		R			M							M
HP 16		R			M							M
HP 17	I					R						
HP 18												Có chuẩn chung của nhà trường cho các CTĐT
HP 19												
HP 20												
HP 21												
HP 22												
HP 23	I	M			M	M						M
HP 24	I	M			M	M						M
HP 25	R	M			M	M						M
HP 26	R	M			M	M						M
HP 27	R	M			M	M						M
HP 28	R	M			M	M						M
HP 29	R	M			M	M						M
HP 30	I	R			M	R						M
HP 31	I	R			M	R						M
HP 32	I	R			M	R						M
HP 33	I	R			M	R						M
HP 34	I	R			M	R						M
HP 35	I	R			M	R						M
HP 36	R	M			M	M	M				M	M
HP 37	R	M			M	M	M				M	M
HP 38	R	M			M	M	M				M	M
HP 39	R	M			M	M	M				M	M
HP 40	R	M			M	M	M				M	M
HP 41	R	M			M	M	M				M	M
HP 42	R	M			M	M	M				M	M
HP 43	R	M			M	M	M				M	M
HP 44	R	M			M	M	M				M	M
HP 45	R	M			M	M	M				M	M
HP 46	R	M			M	M	M				M	M
HP 47	R	M			M	M	M				M	M
HP 48	R	M			M	M	M				M	M
HP 49	R	M			M	M	M				R	M
HP 50	R	M			M	M	M				M	M
HP 51	R	M			M	M	M				M	M
HP 52	I		R	R		M	M	M	M	M	M	M
HP 53	I		R	R		M	M	M	M	M	M	M
HP 54	I		R	R		M	M	M	M	M	M	M
HP 55	I		R	R		M	M	M	M	M	M	M
HP 56	I		R	R		M		M	M	M	M	M

HP 57	I		R	R		M	M	M	M	M	M
HP 58	I		R	R		M	M	M	M	M	M
HP 59	M		M	M		M	M	M	M	M	M
HP 60	M		M	M		M	M	M	M	M	M
HP 61	R		M	M		M	M	M	M	M	M
HP 62	M		M	M		A		A	M	M	M
HP 63	M		M	M		A	A	A	M	M	M
HP 64	M		M	M		A	A	A	M	M	M
HP 65	M		M	M		A	A	A	M	M	M
HP 66	M	M			M						A
HP 67	R	M			M					M	M
HP 68	I		R		R	R		M	M	M	M
HP 69	I		R		R	R		M	M	M	M
HP 70	I		R		R	R		M	M	M	M
HP 71	I		R		R	R		M	M	M	M
HP 72	R		R		R	R		M	M	M	M
HP 73	R		R		R	R		M	M	M	M

8. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

8.1. Học kỳ I: 18 TC (Bắt buộc)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	LC111013	Triết học Mác - Lênin	3	45	0	0	0	
2	NG113813	Tiếng Pháp 1	3	30	15	0	0	
3	TC120011	Giáo dục Thể chất 1 (Thể dục)	1	0	0	30	0	
4	NG111012	Luyện âm	2	20	10	0	0	
5	NG111212	Ngữ pháp 1	2	20	10	0	0	
6	NG113693	Nghe 1	3	30	15	0	0	
7	NG113713	Đọc 1	3	30	15	0	0	
8	XH113152	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	20	10	0	0	
Tổng cộng			18	195	75	0	0	

8.2. Học kỳ II: 18 TC (Bắt buộc)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	LC112112	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0	0	0	
2	KC100013	Tin học đại cương	3	25	0	40	0	
3	NG113823	Tiếng Pháp 2	3	30	15	0	0	
4	NG111222	Ngữ pháp 2	2	20	10	0	0	
5	NG113703	Nói 1	3	30	15	0	0	
6	NG113723	Viết 1	3	30	15	0	0	
7	TL110012	Tâm lý học đại cương	2	25	5	0	0	
8	TC121011	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh)	1	0	0	30	0	
Tổng cộng			18	190	60	40	0	

8.3. Học kỳ III: 19 TC (Bắt buộc)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	LC113112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	0	0	
2	LC130012	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	
3	NG113812	Tiếng Pháp 3	2	20	10	0	0	
4	NG113733	Nghe 2	3	30	15	0	0	
5	NG113753	Đọc 2	3	30	15	0	0	
6	TL110122	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm THCS	2	25	5	0	0	
7	TL100182	Giáo dục học đại cương	2	25	5	0	0	
8	TL111322	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm	2	15	0	30	0	
9	TL110001	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1	1	0	0	30	0	
10	TC122001	Giáo dục Thể chất 3 (Thể thao tự chọn cơ bản)	1	0	0	30	0	
Tổng cộng			19	205	50	60	0	

8.4. Học kỳ IV: 15 TC (Bắt buộc)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	LC124112	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	0	0	
2	NG113743	Nói 2	3	30	15	0	0	
3	NG113763	Viết 2	3	30	15	0	0	
4	NG111022	Ngữ âm-Âm vị học	2	20	10	0	0	
5	NG114242	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh THCS 1 (Nhập môn Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh THCS)	2	20	10	0	0	
6	TL111302	Lý luận giáo dục THCS và lý luận dạy học THCS	2	25	5	0	0	
7	TL110201	Rèn luyện NVSP thường xuyên 2	1	0	0	30	0	
8	TC160018	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	8 tín chỉ = 165 tiết				
9	TC123001	Giáo dục Thể chất 4 (Thể thao tự chọn nâng cao)	1	0	0	30	0	
Tổng cộng			15	155	55	30	0	

8.5. Học kỳ V: 18 TC (Bắt buộc)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	NG114243	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh THCS 2 (Dạy học hệ thống ngôn ngữ)	3	30	10	10	0	
2	TL110301	Rèn luyện NVSP thường xuyên 3	1	0	0	30	0	
3	NG113773	Nghe 3	3	30	15	0	0	
4	NG113783	Nói 3	3	30	15	0	0	
5	NG113793	Đọc 3	3	30	15	0	0	
6	NG113803	Viết 3	3	30	15	0	0	
7	LC120012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	
Tổng cộng			18	180	70	40	0	

8.6. Học kỳ VI: 17 TC (Bắt buộc: 13 TC; tự chọn: 4 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
- Bắt buộc:			13	110	20	100 + 45 giờ	0	
1	TL110401	Rèn luyện NVSP thường xuyên 4	1	0	0	30	0	
2	NG114253	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh THCS 3 (Dạy học kỹ năng ngôn ngữ)	3	30	10	10	0	
3	NG111052	Ngữ nghĩa học	2	20	10	0	0	
4	NT120922	Thiết kế đồ dùng trực quan phục vụ giảng dạy Tiếng Anh	2	15	0	30	0	
5	NT110922	Âm nhạc đại cương	2	15	0	30	0	
6	TL111032	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	30	0	0	0	
7	NG114131	Tham quan thực tế	1	0	0	45 giờ	0	1 tuần
- Tự chọn:			4	40	20	0	0	
8	NG112132	Đất nước học Anh	2	20	10	0	0	Chọn 2/4TC
9	NG112142	Đất nước học Mỹ	2	20	10	0	0	
10	XH113032	Tiếng Việt thực hành	2	20	10	0	0	Chọn 2/4TC
11	XH140012	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	20	10	0	0	
Tổng cộng			17	150	40	100 + 45 giờ	0	

8.7. Học kỳ VII: 15 TC (Bắt buộc: 4 TC; tự chọn: 11 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
- Bắt buộc:			4	50	10	0	0	
1	TL111242	Quản lý nhà trường	2	30	0	0	0	
2	NG114252	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh THCS 4 (Kiểm tra-đánh giá)	2	20	10	0	0	
- Tự chọn:			11	110	55	0	0	
3	NG112182	Văn hóa của các nước nói Tiếng Anh	2	20	10	0	0	Chọn
4	NG112152	Giao thoa văn hóa	2	20	10	0	0	2/4TC
5	NG112242	Văn học Anh	2	20	10	0	0	Chọn
6	NG112122	Văn học Mỹ	2	20	10	0	0	2/4TC
7	NG111122	Kỹ năng giao tiếp	2	20	10	0	0	Chọn
8	NG113402	Kỹ năng thuyết trình	2	20	10	0	0	2/4TC
9	NG111062	Cú pháp học	2	20	10	0	0	Chọn
10	NG112172	Từ vựng học	2	20	10	0	0	2/4TC
11	NG113553	Kỹ năng Biên phiên dịch	3	30	15	0	0	Chọn
12	NG114273	Tiếng Anh tổng hợp B2	3	30	15	0	0	3/6TC
Tổng cộng			15	160	65	0	0	

8.8. Học kỳ VIII: 14 TC (bắt buộc: 7 TC; tự chọn: 7 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	DT100027	Thực tập sư phạm tốt nghiệp	7	0	0	315 giờ		10 tuần
2	Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế		7					
	Khóa luận tốt nghiệp		7					
	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		7					
- Tự chọn:			7	60	35	20		
3	NG116213	Tiếng Anh chuyên ngành Văn hóa - du lịch	3	30	15	0		Chọn
4	NG111143	Ngôn ngữ và văn hóa	3	30	15	0		3/6TC
5	NG114262	Tiếp cận Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Tiểu học 1	2	15	10	10		Chọn
6	NG113712	Phương pháp dạy trẻ mầm non làm quen với Tiếng Anh 1	2	15	10	10		2/4TC
7	NG114272	Tiếp cận Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Tiểu học 2	2	15	10	10		Chọn
8	NG113722	Phương pháp dạy trẻ mầm non làm quen với Tiếng Anh 2	2	15	0	30		2/4TC
Tổng cộng			14	60	35	20 +315 giờ		

9. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

9.1. Triết học Mác-Lênin

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần khái quát về triết học, Triết học Mác-Lênin và vai trò của Triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội; Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử: hình thái kinh tế xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, triết học về con người.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần Lý luận chính trị tiếp theo (Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

9.2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin

Kinh tế chính trị Mác-Lênin là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác - Lênin, có quan hệ mật thiết với Triết học Mác - Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Kinh tế chính trị Mác-Lênin là môn khoa học cơ bản, làm cơ sở cho việc xác định đường lối, chính sách kinh tế của nhà nước; làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn khoa học kinh tế ngành và quản lý kinh tế.

Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp hệ thống tri thức lý luận về: Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần Lý luận chính trị tiếp theo (Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

9.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Triết học Mác-Lênin.

Học phần cung cấp những tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học (một trong ba bộ phận cấu thành Chủ nghĩa Mác-Lênin): quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Cơ cấu xã hội-giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần Lý luận chính trị tiếp theo (Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

9.4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất

nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

Học phần góp phần khẳng định những thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

9.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Về Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Về văn hóa, đạo đức, con người.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

9.6. Pháp luật đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về lý luận nhà nước và pháp luật; Các vấn đề về Nhà nước và pháp luật Việt Nam như: Tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Về kết cấu, cách xây dựng và áp dụng quy phạm pháp luật ở Việt Nam; Về một số nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

9.7. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Các học phần giáo dục.

Nội dung môn học bao gồm: Những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, về bản chất của nghiên cứu khoa học cũng như cấu trúc logic của một công trình khoa học; các thao tác nghiên cứu khoa học, xây dựng, chứng minh và trình bày các luận điểm khoa học; phương pháp trình bày một báo cáo khoa học; viết được một công trình khoa học và bước đầu biết vận dụng kỹ năng nghiên cứu khoa học vào việc học tập ở đại học.

9.8. Dẫn luận ngôn ngữ học

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về ngôn ngữ và ngôn ngữ học: Bản chất và chức năng của ngôn ngữ, phân loại ngôn ngữ theo nguồn gốc và loại hình, hệ thống-cấu trúc ngôn ngữ. Đồng thời cũng cung cấp cho SV những hiểu biết cơ bản về các phân ngành của ngôn ngữ học: Ngữ âm học, ngữ pháp học và ngữ nghĩa học.

9.9. Âm nhạc đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp một số hiểu biết sơ giản chung nhất về lý thuyết âm nhạc cơ bản: độ cao, độ dài, nhịp phách, quãng, giọng điệu, hợp âm, xác định giọng và dịch giọng; tập đọc nhạc: tập đọc giọng C - dur; giọng A - moll, với các tiết tấu đơn giản, các

loại nhịp thông dụng; cung cấp một số kiến thức về kỹ thuật ca hát cơ bản và luyện tập thể hiện một số ca khúc quần chúng và ca khúc thiếu nhi.

9.10. Thiết kế đồ dùng trực quan phục vụ giảng dạy Tiếng Anh **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật cơ bản về cách làm đồ dùng dạy học và đồ chơi bằng các nguyên vật liệu khác nhau. Hướng dẫn thực hành làm đồ dùng dạy học, làm một số mẫu đồ chơi, mô hình, buru thiếp, tăng vật thủ công... phục vụ cho việc dạy học và đánh giá bộ môn Tiếng Anh ở bậc THCS và tiểu học.

9.11. Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần bao gồm: Lý luận chung về hoạt động trải nghiệm: Hoạt động, hoạt động trải nghiệm, hoạt động trải nghiệm sáng tạo; Vị trí, mục tiêu và đặc điểm của hoạt động trải nghiệm; Nội dung hoạt động trải nghiệm ở trung học cơ sở liên quan đến các lĩnh vực: Hoạt động hướng vào bản thân, Hoạt động hướng đến xã hội, Hoạt động hướng đến tự nhiên, Hoạt động hướng nghiệp; Phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm; Cách thức đánh giá hoạt động trải nghiệm. Thực hành thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm phù hợp với học sinh trung học cơ sở từ lớp 6 đến lớp 9.

9.12. Tiếng Việt thực hành **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị kiến thức cơ bản về tiếng Việt: chính tả, từ vựng – ngữ nghĩa, ngữ pháp, phong cách ngôn ngữ (phong cách ngôn ngữ hành chính, ngôn ngữ khoa học, văn bản nghị luận ...). Đồng thời luyện kỹ năng chữa lỗi về chính tả, dùng từ, đặt câu và lỗi về nội dung, hình thức trình bày văn bản tiếng Việt. Ngoài ra, học phần này còn luyện kỹ năng chữa những loại lỗi thường mắc phải về từ, câu do hiện tượng giao thoa ngôn ngữ khi dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại.

9.13. Cơ sở văn hóa Việt Nam **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về văn hóa học và văn hóa Việt Nam: đặc trưng, chức năng, cấu trúc của văn hóa; định vị văn hóa Việt Nam. Nội dung các thành tố của văn hóa Việt Nam: Văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức cộng đồng, đời sống tập thể; văn hóa tổ chức cộng đồng, đời sống cá nhân; văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên; văn hóa ứng xử với môi trường xã hội.

9.14. Tiếng Pháp 1 **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng đồng thời rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ sơ cấp. Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường ngày; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể: có thể tự giới thiệu về mình và giới thiệu người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè, mua sắm, hỏi và chỉ đường, giới thiệu và hiểu được những thông tin về du lịch v.v. Qua đó, sinh viên có thể giới thiệu về bản thân mình, mô tả về công việc hàng ngày thông qua một số tình huống giao tiếp thông thường.

9.15. Tiếng Pháp 2 **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Pháp 1

Học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng đồng thời rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ sơ cấp. Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên có thể hiểu được các câu và các cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như thông tin về giải

trí, sở thích, những sự kiện và thói quen hàng ngày trong quá khứ, dự định trong tương lai,.... Qua đó, sinh viên có thể mô tả được công việc mình đã làm và sẽ làm trong tương lai thông qua một số tình huống giao tiếp thông thường. Sinh viên có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hàng ngày; mô tả bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.

9.16. Tiếng Pháp 3

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Pháp 2

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng, đồng thời rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ tiền trung cấp. Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên có thể giao tiếp tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập và việc làm của mình; có thể hiểu các chỉ dẫn chi tiết (ví dụ như các hướng dẫn về giao thông); có thể trao đổi, kiểm tra và xác nhận thông tin, giải thích vấn đề nảy sinh; có thể tham gia đàm thoại về các chủ đề quen thuộc, thể hiện quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích cá nhân, học tập, công việc hoặc cuộc sống hàng ngày; có thể viết thư cá nhân, viết các ghi chú đề hỏi hoặc truyền đạt những thông tin đơn giản liên quan trực tiếp, giải quyết những điểm được cho là quan trọng.

9.17. Tin học đại cương

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp những hiểu biết về công nghệ thông tin (CNTT) cơ bản: máy tính và mạng máy tính, các ứng dụng của CNTT và truyền thông, các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính; Cách sử dụng máy tính cơ bản: các hiểu biết cơ bản để bắt đầu làm việc với máy tính, làm việc với Hệ điều hành, quản lý thư mục và tệp, một số phần mềm tiện ích, sử dụng tiếng Việt, sử dụng máy in; Sử dụng Internet cơ bản: giới thiệu mạng máy tính, mạng Internet, một số công cụ tìm kiếm, trình duyệt web, thư điện tử; Soạn thảo văn bản bằng phần mềm Microsoft Word; trình bày báo cáo, giáo án trình chiếu trên máy chiếu bằng phần mềm Microsoft Powerpoint; nhập liệu và thao tác với bảng tính điện tử, sử dụng các phép toán và các hàm để xử lý số liệu và vẽ đồ thị bằng phần mềm Microsoft Excel.

9.18. Giáo dục thể chất 1

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống các động tác của bài thể dục phát triển chung, bài thể dục nhào lộn, bài thể dục nhảy dây ngắn nhằm giúp cho sinh viên rèn luyện sức khỏe tốt, phát triển các tố chất thể lực.

9.19. Giáo dục thể chất 2

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1 (Thể dục)

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ý nghĩa, tác dụng và kỹ thuật của môn đẩy tạ kiểu lưng hướng ném, môn nhảy xa kiểu ưỡn thân, một số điều luật thi đấu môn nhảy xa và đẩy tạ.

9.20. Giáo dục thể chất 3 (chọn 1 trong 5 học phần)

1 TC

a. Cầu lông 1

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử sự ra đời và phát triển môn cầu lông; kiến thức kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông; phổ biến một số điều luật về sân bãi, dụng cụ và thi đấu đơn.

b. Bóng chuyền 1

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng chuyền; phổ biến một số điều luật cơ bản.

c. Bóng đá 1

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng đá; phổ biến luật bóng đá 5 người; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.

d. Bóng bàn 1

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng bàn; phổ biến luật thi đấu đơn.

e. Võ Cổ truyền 1

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản môn Võ thuật cổ truyền Việt Nam; Nắm được ý nghĩa, tác dụng của việc luyện tập các môn học này đối với cơ thể con người, vận dụng môn học để rèn luyện nhằm nâng cao các tổ chất thể lực cho cơ thể.

9.21. Giáo dục thể chất 4 (chọn 1 trong 5 học phần)

1 TC

a. Cầu lông 2

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh, Cầu lông 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn cầu lông; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật.

b. Bóng chuyền 2

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh, Bóng chuyền 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn bóng chuyền; phổ biến luật thi đấu; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.

c. Bóng đá 2

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh, Bóng đá 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn bóng đá; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật bóng đá 7 người.

d. Bóng bàn 2

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh, Bóng bàn 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn bóng bàn; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật đánh đôi.

e. Võ Cổ truyền 2

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh, Võ Cổ truyền 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn võ cổ truyền; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật.

9.22. Giáo dục Quốc phòng - An ninh

8 TC

Nội dung ban hành kèm theo Thông tư số: 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường TCSP, CĐSP và cơ sở giáo dục đại học.

9.23. Luyện âm

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp kiến thức căn bản và thực hành phát âm tiếng Anh gồm: nguyên âm, phụ âm, nhị trùng âm; cách đọc –ed endings, và –s /-es endings; trọng âm từ (word stress), trọng âm câu (sentence stress), đọc nối (link-up), nhịp điệu (rhythm) và ngữ điệu câu (intonation); hướng dẫn học viên nghe và thực hành thông qua các bài tập

thực hành đa dạng; giúp nhận dạng và giải quyết các vấn đề phát âm thường gặp ở người học, có chú ý nhấn mạnh về các vấn đề của người Việt Nam học tiếng Anh. Đây là học phần cơ bản hỗ trợ cho người học trong việc phát triển các kỹ năng giao tiếp, đặc biệt là kỹ năng nghe, nói.

9.24. Ngữ pháp 1

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản và kiến thức nền về Ngữ pháp và Từ vựng tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp, góp phần rèn luyện kiến thức và kỹ năng thực hành tiếng theo các chủ điểm: du lịch và vận chuyển, thể thao và giải trí, khoa học và công nghệ, phương tiện truyền thông đại chúng, con người và xã hội, luật pháp và tệ nạn xã hội và các vấn đề về sức khỏe,...; giúp sinh viên có thể sử dụng đúng cấu trúc ngữ pháp và từ vựng tiếng Anh trong học tập và giao tiếp hằng ngày. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể tiếp tục học học phần Ngữ pháp 2.

9.25. Ngữ pháp 2

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Ngữ pháp 1

Học phần tiếp tục tích hợp kiến thức về các cấu trúc ngữ pháp nâng cao với việc sử dụng từ vựng tiếng Anh theo các chủ điểm: đồ ăn và thức uống, giáo dục và việc học tập, thời tiết và môi trường, tiền bạc và mua sắm, giải trí, môi trường, thời trang và thiết kế thời trang, qua đó người học có thể vận dụng vào việc giao tiếp bằng tiếng Anh. Kết thúc học phần, sinh viên được trang bị kiến thức đầy đủ để có thể tham gia vào các kỳ thi chuẩn năng lực cho các kỹ năng, đặc biệt là phần bài thi năng lực tiếng Anh Use of English.

9.26. Ngữ âm-Âm vị học

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Luyện âm

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết cơ bản về hệ thống ngữ âm, âm vị tiếng Anh; Mô tả và phân loại âm; Vai trò và các qui luật biến đổi của âm vị trong ngôn ngữ, các yếu tố siêu đoạn tính như trọng âm (stress), nhịp điệu (rhythm), ngữ điệu (intonation) và các chức năng của chúng. Ngoài ra, sinh viên có thể giải thích các hiện tượng ngữ âm như: đồng hóa âm, đọc nuốt, và các nguyên tắc đọc nối. Trên cơ sở đó sinh viên có thể củng cố và phát triển năng lực thực hành giao tiếp bằng tiếng Anh.

9.27. Ngữ nghĩa học

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Ngữ âm-Âm vị học

Học phần làm rõ nét và phân biệt hai bình diện của ngôn ngữ: bình diện biểu hiện và bình diện nội dung hay là bình diện ngữ nghĩa. Học phần này nghiên cứu về nghĩa của ngôn ngữ ở khía cạnh độc lập với ngôn ngữ qua các chương, phần về Ngữ nghĩa học tiếng Anh, nghĩa của từ, nghĩa của câu và nghĩa của phát ngôn. Ngoài ra, học phần cũng đề cập những vấn đề cơ bản về mối quan hệ giữa ngữ nghĩa học và ngữ dụng học, hai phân ngành có sự liên hệ mật thiết với nhau thuộc ngôn ngữ học tiếng Anh.

9.28. Cú pháp học

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Ngữ pháp 2

Học phần cung cấp cho người học khái niệm ngữ pháp truyền thống và phương pháp mô tả; kiến thức về ngữ pháp tạo sinh như các cấu trúc cú pháp, các ký hiệu sử dụng trong mô tả cú pháp, vẽ sơ đồ hình cây; và những quy tắc cú pháp như quy tắc cấu tạo các cụm từ ngữ, quy tắc từ vựng, quy tắc chuyển đổi câu; giúp nhận diện và giải thích các câu mơ hồ do cấu trúc gây nên.

9.29. Từ vựng học

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Ngữ pháp 2

Học phần từ vựng học cung cấp kiến thức căn bản về từ vựng học tiếng Anh gồm: đối tượng nghiên cứu và ý nghĩa của môn học; Cấu trúc từ vựng và cách thành lập; Các loại nghĩa của từ; Nghĩa cú; Lịch sử hình thành và phát triển của từ vựng và tính đa dạng của chúng.

9.30. Đất nước học Anh

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần giới thiệu về đất nước và con người Anh, hệ thống giá trị, phong tục tập quán, xã hội, tôn giáo, hệ thống chính trị, kinh tế của vương quốc Anh, làm nền tảng để tìm hiểu và vận dụng những kiến thức đó trong tiếp thu ngôn ngữ Anh, trong hoạt động giao tiếp liên văn hoá.

9.31. Đất nước học Mỹ

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp một cái nhìn tổng quát về Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, giới thiệu sơ lược lịch sử hình thành đất nước kể từ thời lập quốc, phân tích những đặc trưng cơ bản về đất nước, con người và văn hóa Hoa Kỳ đương đại. Học phần chú trọng vào lịch sử nhập cư, các làn sóng nhập cư và tính đa dạng của nền văn hóa Mỹ, những giá trị cơ bản truyền thống và hiện đại của người Mỹ, tổ chức bộ máy nhà nước, hệ thống giáo dục và các đặc điểm của nền giáo dục Hoa Kỳ, gia đình, v.v.

9.32. Văn học Anh

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc điểm văn học Anh qua từng giai đoạn lịch sử và xã hội của nước Anh, các tác giả tiêu biểu của từng thời kỳ với chủ đề và văn phong đặc trưng, các tác phẩm tiêu biểu thể hiện chủ đề và đặc điểm xã hội, một số lý thuyết văn học và các phương pháp nghiên cứu tác phẩm văn học.

9.33. Văn học Mỹ

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc điểm văn học Mỹ qua từng giai đoạn lịch sử và xã hội, các tác giả tiêu biểu của từng thời kỳ với chủ đề và văn phong đặc trưng, các tác phẩm tiêu biểu thể hiện chủ đề và đặc điểm xã hội, một số lý thuyết văn học và các phương pháp nghiên cứu tác phẩm văn học.

9.34. Văn hóa của các nước nói tiếng Anh

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần giúp người học tìm hiểu và khám phá các nền văn hóa, lịch sử, địa lý, các sự kiện của một số nước nói tiếng Anh như Anh, Mỹ, Canada, Úc, Ấn Độ, Singapore, Philippines, New Zealand, v.v.

Học phần còn cung cấp một số kiến thức cơ bản về các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị, và giáo dục đồng thời giúp phát triển các kỹ năng như thuyết trình, phân tích, phê phán, làm việc nhóm, nghiên cứu liên ngành và tranh luận. Hơn nữa, học phần tạo điều kiện nâng cao vốn từ vựng tiếng Anh cũng như các kỹ năng tiếng Anh, đóng vai trò là tiền đề cho những ai quan tâm đến chuyên ngành Quốc tế học.

9.35. Giao thoa văn hóa

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý thuyết giao thoa giữa các nền văn hoá khác nhau, giúp sinh viên nhận thức được những khác biệt trong giao tiếp giữa những người thuộc các nền văn hoá khác nhau, và giúp sinh viên nâng cao khả năng phân tích, so sánh và đối chiếu, từ đó có thái độ đúng trong giao tiếp với những người đến từ các nền văn hoá khác.

9.36. Nghe 1**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp những kỹ thuật nghe cơ bản để nhận diện và giải mã âm thông qua các hoạt động nghe trên lớp; cách nhận biết và vận dụng lượng từ vựng Tiếng Anh thông dụng hàng ngày và các cấu trúc ngôn ngữ cơ bản; thông tin về những phong tục, tập quán và văn hóa của người Anh ở các vùng miền; phát triển kỹ năng nghe-hiểu ngôn ngữ tiếng Anh trong giao tiếp ở cấp độ cơ bản.

9.37. Nói 1**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp kiến thức căn bản và chuyên sâu về ngôn ngữ tiếng Anh nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hình thức diễn đạt nói ở mức độ phát triển kỹ năng nói bậc hai (2/6) như miêu tả tranh, thảo luận nhóm – cặp, chứng minh, diễn thuyết, phân tích. Sinh viên có thể tạo ra được những bài phát biểu mới với lượng từ vựng nhất định; có thể trao đổi và đưa ý kiến của mình về các vấn đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày.

9.38. Đọc 1**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần nhằm xây dựng, phát triển vốn từ theo chủ điểm, theo sự đa nghĩa của từ, theo các thành ngữ, thuật ngữ; giúp sinh viên nhận biết, hình thành và vận dụng có hiệu quả các kỹ thuật đọc như: đoán nội dung bài khóa, đoán được từ mới dựa vào ngữ cảnh hoặc kiến thức nền, tìm được đại ý của bài khóa, nhận diện bố cục bài, nhận diện các luận chứng, chứng cứ trong bài; phát triển kỹ năng đọc hiểu ở cấp độ cơ bản.

9.39. Viết 1**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về kỹ năng viết ở các thể loại mang tính thực tiễn như Email to friends, Invitations and RSVPs, Thank-you Letters, Postcards...; hướng dẫn người học cách thức trao đổi thông tin phục vụ cho cuộc sống thường nhật: Making Polite Enquiries, Giving Instructions, Writing to Confirm Arrangements... hay cách sử dụng linh hoạt văn phong trang trọng đáp ứng yêu cầu các công việc mang tính hành chính như Writing an Article or Essay, Writing Formal Notes and Notices, Applying for a Job: Your CV.

9.40. Nghe 2**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Nghe 1

Học phần cung cấp kỹ thuật để nhận diện và giải mã âm; phát triển các kỹ năng nghe cơ bản: nghe sơ bộ, nghe để xử lý thông tin chi tiết; giúp sinh viên nhận biết và vận dụng ngôn ngữ (formal và informal) trong các chủ đề công việc và giải trí; cho SV tiếp cận đa dạng các giọng nói, các hoạt động nghe trên lớp; phát triển kỹ năng nghe-hiểu ngôn ngữ tiếng Anh trong giao tiếp; trình độ tương đương cấp độ trung cấp B1.

9.41. Nói 2**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Nói 1

Học phần cung cấp kiến thức căn bản và chuyên sâu về ngôn ngữ tiếng Anh nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hình thức diễn đạt nói; giúp sinh viên nắm bắt cách diễn đạt các chức năng ngôn ngữ cụ thể như cách trao đổi thông tin, đàm phán, ngắt lời một người khác đang nói, cách thuyết phục, thể hiện sự quan tâm; cách thể hiện sự tức giận, thể hiện sự hoài nghi, sự háo hức, sự tự tin và do dự ... Từ đó sinh viên có thể diễn đạt ý tưởng của mình một cách tự nhiên, chuẩn xác và lưu loát. Đồng thời giúp sinh viên quan sát tranh, ảnh và tưởng tượng về các tình huống xảy ra trong cuộc sống xung quanh. Nêu những suy nghĩ và suy đoán của mình và cùng nhau thảo luận về các tình huống đó.

9.42. Đọc 2**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Đọc 1

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên cách thức và phương pháp đọc một cách tương đối độc lập, có khả năng điều chỉnh cách đọc và tốc độ đọc theo từng dạng văn bản và mục đích đọc cũng như sử dụng các nguồn tham khảo phù hợp một cách có chọn lọc; giúp sinh viên hiểu các bản hướng dẫn dài, phức tạp trong lĩnh vực chuyên môn của mình, bao gồm các chi tiết về điều kiện và cảnh báo, với điều kiện được đọc lại các đoạn khó; vận dụng được một lượng lớn từ vựng để phục vụ quá trình đọc, nhưng có thể vẫn còn gặp khó khăn với các thành ngữ.

9.43. Viết 2**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Viết 1

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kỹ năng viết ở các chủ đề mang tính thực tiễn trong cuộc sống, rèn luyện cho người học các loại văn phong ở các thể loại khác nhau gồm: cách giao tiếp qua các dạng thư tín (formal, semi-formal and informal), cách sử dụng linh hoạt các loại văn phong khác nhau đáp ứng yêu cầu từng công việc cụ thể (writing a reference, writing an opinion piece, writing a report, writing a review, writing a story, writing a letter of complaint, writing a speech...), cách lựa chọn ngôn ngữ viết phù hợp với các đối tượng khác nhau.

9.44. Nghe 3**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Nghe 2

Học phần cung cấp kỹ thuật nghe và nhận diện được ý chính thông qua những thể loại văn bản dài, phức tạp hơn, dạng độc thoại, đối thoại, như bài giảng, phóng sự, báo cáo, tin tức, những cuộc trò chuyện sôi nổi,... cho sinh viên tiếp cận với sự đa dạng về âm sắc của người bản xứ, về ngôn ngữ diễn đạt, có được định hướng rõ ràng bởi ngôn ngữ gợi mở, có định hướng; phát triển năng lực nghe hiểu cho sinh viên ở trình độ tương đương cấp độ B2.

9.45. Nói 3**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Nói 2

Học phần cung cấp kỹ thuật miêu tả, trình bày rõ ràng, hệ thống và mở rộng; tạo điểm nhấn và đưa ý bổ sung phù hợp về nhiều kiểu đề tài liên quan đến lĩnh vực như giáo dục, kinh tế, văn hóa, giải trí...; cách sử dụng ngôn ngữ trôi chảy, chính xác và hiệu quả, thiết lập rõ mối quan hệ giữa các ý, sử dụng ngôn ngữ phù hợp ngữ cảnh; phát triển năng lực diễn đạt nói cho sinh viên ở trình độ tương đương cấp độ B2.

9.46. Đọc 3**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Đọc 2

Học phần cung cấp kỹ thuật đọc hiểu với với các loại bài đọc khác nhau; biết sử dụng các nguồn tài liệu tham khảo một cách có chọn lọc; đọc độc lập, điều chỉnh phương thức và tốc độ đọc phù hợp với các loại bài đọc khác nhau và tùy theo mục đích đọc cụ thể; cung cấp đa dạng các thể loại bài đọc dài, phức tạp như bản tin, bài báo, báo cáo liên quan đến các chủ đề như giáo dục, kinh tế, sức khỏe, văn hóa,...; phát triển kỹ năng đọc hiểu tương đương cấp độ B2.

9.47. Viết 3**3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Viết 2

Học phần cung cấp các kỹ thuật viết các thể loại văn bản như miêu tả chi tiết, thư từ, bình luận về các chủ đề như điện ảnh, văn hóa, giáo dục, thương mại ...; làm rõ mối quan hệ giữa các ý trong bài viết và tuân thủ các quy chuẩn của thể loại bài viết; phát triển kỹ năng viết cho sinh viên ở cấp độ tương đương B2.

9.48. Kỹ năng Biên phiên dịch**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cơ sở lý thuyết và một số kỹ thuật về biên phiên dịch, một kỹ năng quan trọng trong việc sử dụng ngôn ngữ, góp phần rèn luyện kỹ năng thực hành tiếng. Ngoài ra, học phần giúp người học làm quen với phương pháp phê bình và đánh giá bản dịch nhằm giúp nâng cao chất lượng bản dịch và trau dồi kỹ năng dịch của người học, nhằm giúp người học tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng làm tiền đề hoặc hỗ trợ cho nghề nghiệp sau khi ra trường.

9.49. Kỹ năng tổng hợp B2**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần Tiếng Anh Tổng hợp B2 định hướng sinh viên tiếp cận các thể loại bài kiểm tra từng kỹ năng ngôn ngữ trình độ B2. Sinh viên tiếp tục rèn luyện và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ: Nghe, Nói, Đọc, Viết ở trình độ B2 (Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam).

9.50. Kỹ năng giao tiếp**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần nhằm giúp sinh viên sử dụng và phát huy năng lực ngôn ngữ của mình để giao tiếp hiệu quả ở các trường hợp cụ thể trong môi trường giao tiếp đa phương tiện hiện đại. Sinh viên được làm quen với các yêu cầu và thể thức của mỗi loại hình giao tiếp và rèn luyện các kỹ năng cụ thể để có thể giao tiếp thành công trong môi trường nghề nghiệp.

9.51. Kỹ năng Thuyết trình**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần hướng dẫn cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật cơ bản để chuẩn bị một bài thuyết trình trong các buổi họp, báo cáo và hội thảo. Nội dung bao gồm:

- Chuẩn bị các slide, handout và các công cụ hỗ trợ khi thuyết trình.

- Trình bày một bài thuyết trình: cách trình bày các phần khác nhau của một bài thuyết trình, các thuật ngữ và cấu trúc câu thường dùng, sử dụng ngôn ngữ hình thể trong thuyết trình, điều chỉnh ngữ điệu, cách vượt qua căng thẳng thường gặp khi thuyết trình, cách đưa ra các chỉ dẫn cho phần đặt câu hỏi của khán giả, phương pháp thu thập và phản hồi các ý kiến/câu hỏi của khán giả.

9.52. Tâm lý học đại cương**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin

Nội dung học phần bao gồm: Tâm lý học là một khoa học; Cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức; Tình cảm và ý chí; Trí nhớ; Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách.

9.53. Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm trung học cơ sở**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương.

Nội dung học phần bao gồm: Nhập môn Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm trung học cơ sở; Lý luận về sự phát triển tâm lý học sinh trung học cơ sở; Tâm lý học lứa tuổi học sinh trung học cơ sở; Tâm lý học dạy học ở trường trung học cơ sở; Tâm lý học giáo dục học sinh trung học cơ sở; Tâm lý học nhân cách người giáo viên ở trường trung học cơ sở.

9.54. Giáo dục học đại cương**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

Nội dung học phần bao gồm: Giáo dục học là một khoa học, Giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt, Giáo dục và sự phát triển nhân cách, Mục đích giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân, Người giáo viên ở trường tiểu học.

9.55. Lý luận giáo dục THCS và Lý luận dạy học THCS

2TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm trung học cơ sở

Nội dung học phần bao gồm: Phần lý luận dạy học: Quá trình dạy học ở trung học cơ sở; Nguyên tắc dạy học trung học cơ sở; Nội dung dạy học trung học cơ sở, Phương pháp dạy học trung học cơ sở, Các hình thức tổ chức dạy học trung học cơ sở. Phần lý luận giáo dục: Quá trình giáo dục trung học cơ sở, Nguyên tắc giáo dục trung học cơ sở, Nhiệm vụ và nội dung giáo dục ở trường trung học cơ sở, Phương pháp giáo dục học sinh trung học cơ sở, Người giáo viên chủ nhiệm lớp và công tác xây dựng tập thể học sinh ở trường trung học cơ sở.

9.56. Quản lý nhà trường

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên ngành sư phạm Tiếng Anh hệ thống tri thức về quản lý nhà trường trung học cơ sở: Tổng quan về quản lý và lãnh đạo nhà trường; Mô hình lý thuyết về quản lý dựa vào nhà trường; Phát triển chương trình nhà trường trung học cơ sở theo tiếp cận năng lực; Phát triển năng lực tự chủ chuyên môn trong quản lý đội ngũ giáo viên tiểu học; Tiếp cận lãnh đạo dạy học trong quản lý nhà trường tiểu học của hiệu trưởng; Đổi mới đánh giá trong lớp học theo quan điểm vì sự tiến bộ của người học; Quản lý chất lượng giáo dục tiểu học; Quản lý nguồn nhân lực trong nhà trường; Quản lý tài chính trường theo định hướng tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội; Văn hoá nhà trường trong thế kỷ XXI và vai trò của người hiệu trưởng nhà trường; Tinh huống và cách xử lý một số tình huống quản lý nhà trường.

9.57. Rèn luyện NVSP thường xuyên 1

1TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung thực hành Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1 bao gồm:

1. Thực hành rèn luyện các kỹ năng về tâm lý giáo dục (15 tiết-Khoa Sư phạm)
 - Thực hành nghiên cứu tâm lý học sinh trung học cơ sở.
 - Tìm hiểu và thực hành các phong cách và kỹ năng giao tiếp sư phạm của người giáo viên trung học cơ sở.
 - Vận dụng các kiến thức tâm lý để giải quyết các tình huống sư phạm xảy ra trong thực tiễn dạy học và giáo dục ở trường trung học cơ sở.
 - Chẩn đoán phẩm chất, năng lực của bản thân so với yêu cầu nghề nghiệp; xây dựng kế hoạch và lựa chọn phương pháp học tập, nghiên cứu, rèn luyện phù hợp để hoàn thiện nhân cách nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu chuẩn nghề nghiệp của người giáo viên trung học cơ sở.

2. Hoạt động thực hành rèn luyện những kỹ năng giảng dạy Tiếng Anh THCS (15 tiết-Khoa Ngoại ngữ): Giới thiệu khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam; Giới thiệu khung chương trình Tiếng Anh bậc THCS; số tiết phân bổ lên lớp hàng tuần; sách giáo khoa Tiếng Anh 6, 7, 8, 9; các thể loại hoạt động warm-up.

9.58. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2

1TC

Điều kiện tiên quyết: Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1.

Nội dung thực hành Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2 bao gồm:

1. Thực hành rèn luyện các kỹ năng về tâm lý giáo dục: (15 tiết-Khoa Sư phạm)
 - Tìm hiểu về trường trung học cơ sở. Tìm hiểu chương trình, kế hoạch dạy học và giáo dục, sách giáo khoa và tài liệu học tập ở trường trung học cơ sở.
 - Lập kế hoạch cho công tác dự giờ ở trường trung học cơ sở; Rèn luyện kỹ năng quan sát và ghi chép trong quá trình dự giờ, học tập kinh nghiệm dạy học của người giáo viên trung học cơ sở.

- Xây dựng và quản lý tập thể học sinh trung học cơ sở; Học tập kinh nghiệm về quản lý và giáo dục học sinh của người giáo viên trung học cơ sở.

- Lập kế hoạch và tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục học sinh của người giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường trung học cơ sở. Rèn luyện kỹ năng nhận xét, đánh giá kết quả giáo dục của học sinh trung học cơ sở.

- Nghiên cứu các giáo trình hướng dẫn về việc thực hiện công tác thực tập sư phạm.

2. Hoạt động thực hành rèn luyện những kỹ năng chuyên ngành đào tạo Tiếng Anh THCS (15 tiết-Khoa Ngoại ngữ):

Học phần giúp cho người học tìm hiểu một số kiến thức về trường THCS, tâm lý học sinh THCS, phong cách giao tiếp của người giáo viên, kỹ năng thiết kế bài giảng, tổ chức hoạt động chủ nhiệm lớp và giải quyết các tình huống sư phạm.

Rèn kỹ năng thiết kế bài dạy, kỹ năng phân tích chương trình và sách giáo khoa, dự giờ ở trường THCS.

9.59. Rèn luyện nghiệp sư phạm thường xuyên 3

1TC

Điều kiện tiên quyết: Rèn luyện NVSP thường xuyên 2

*Nội dung 1: Tại trường Đại học Phú Yên (15 tiết)

Học phần nêu sự cần thiết của việc sử dụng Tiếng Anh và Tiếng Việt trong giờ học Tiếng Anh ở bậc THCS; nêu rõ các kỹ thuật sử dụng Tiếng Anh trên lớp để học sinh dễ hiểu; trang bị các kỹ thuật duy trì và thúc đẩy động cơ học tập thông qua các hoạt động tương tác giữa thầy và trò; học phần cho sinh viên cơ hội giảng tập minh họa các bài học về hệ thống ngôn ngữ: từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm. Học phần rèn luyện các kỹ thuật quản lý lớp học hiệu quả.

*Nội dung 2: Dự giờ tại các trường THCS (15 tiết)

Sinh viên trực tiếp dự giờ giảng các thể loại bài học về hệ thống ngôn ngữ tại các trường THCS trên địa bàn TP Tuy Hòa; thiết kế 1 giáo án và viết thu hoạch về các nội dung dự giờ: thái độ học tập của học sinh, tác phong sư phạm của giáo viên, kỹ năng dạy học và giải quyết vấn đề trên lớp của giáo viên, ...

9.60. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 4

1TC

Điều kiện tiên quyết: Rèn luyện NVSP thường xuyên 3

*Nội dung 1: Tại trường Đại học Phú Yên (15 tiết)

Học phần minh họa các kỹ thuật, thao tác vận dụng đồ dùng dạy học hiệu quả trên lớp; minh họa các kỹ thuật quản lý lớp học hiệu quả; cho sinh viên cơ hội thiết kế giáo án và giảng tập các thể loại bài dạy kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh; củng cố các kỹ thuật feedback, qui trình feedback hiệu quả. .

*Nội dung 2: Dự giờ tại các trường THCS (15 tiết)

Sinh viên trực tiếp dự giờ giảng các thể loại bài học về Kỹ năng ngôn ngữ tại các trường THCS trên địa bàn TP. Tuy Hòa; thiết kế 1 giáo án và viết thu hoạch về các nội dung dự giờ: thái độ học tập của học sinh, tác phong sư phạm của giáo viên, kỹ năng dạy học và giải quyết vấn đề trên lớp của giáo viên, ...

9.61. Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Trung học cơ sở 1 (Nhập môn Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh THCS)

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về phương pháp luận giảng dạy tiếng nước ngoài nói chung và tiếng Anh nói riêng; giới thiệu các khái niệm về những phương pháp dạy học ngoại ngữ từ những phương pháp truyền thống cho đến những phương pháp giao tiếp hiện đại, phương pháp dạy học lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học; hướng dẫn SV cảm thụ được một số kiểu nhận thức ngôn ngữ và những yếu tố tác động đến quá trình nhận thức ngôn ngữ; trang bị một số

kiến thức về vai trò và nhiệm vụ của người dạy và người học nhằm giúp SV có thể tiếp tục học các học phần chuyên sâu về kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh ở các học kỳ tiếp theo.

9.62. Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Trung học cơ sở 2 (Dạy học hệ thống ngôn ngữ) 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh THCS 1

Học phần trang bị cho sinh viên lý luận dạy học hệ thống ngôn ngữ: từ vựng, ngữ âm, cấu trúc ngữ pháp; trang bị các phương pháp và kỹ thuật dạy từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm; giới thiệu các mẫu giáo án cho các thể loại bài dạy từ vựng, ngữ âm, cấu trúc ngữ pháp; cung cấp tối đa các kỹ thuật quản lý lớp học trong quá trình dạy học từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm.

9.63. Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Trung học cơ sở 3 (Dạy học kỹ năng ngôn ngữ) 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh THCS 2

Học phần trang bị cho sinh viên lý luận dạy học các kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết; trang bị các phương pháp và kỹ thuật dạy chuyên sâu các kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết; giới thiệu các mẫu giáo án cho bài dạy kỹ năng ngôn ngữ; cung cấp tối đa các kỹ thuật quản lý lớp học trong quá trình dạy học các kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết.

9.64. Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Trung học cơ sở 4 (Kiểm tra-đánh giá) 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Trung học cơ sở 3

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản trong đánh giá, mục đích đánh giá, mối quan hệ giữa đánh giá và giảng dạy, các quan điểm về đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh, các loại hình đánh giá và trắc nghiệm, và các nguyên tắc thiết kế một bài trắc nghiệm. Sau khi hoàn thành học phần, người học vận dụng được những cơ sở lý thuyết để thực hành kỹ năng thiết kế các loại hình kiểm tra đánh giá phục vụ cho công việc giảng dạy của mình.

9.65. Tham quan thực tế 1 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

a. Tại Việt Nam

Học phần tổ chức cho sinh viên tham quan thực tế ngoại tỉnh với các nội dung: Gặp gỡ và giao lưu với giảng viên và sinh viên Tiếng Anh của các trường đại học lớn, các cơ sở, trung tâm giảng dạy Tiếng Anh uy tín khác nhằm trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm học tập, phương pháp giảng dạy Tiếng Anh; tham quan, tìm hiểu di tích lịch sử, những danh lam, thắng cảnh, văn hóa vùng miền để mở rộng thêm kiến thức về lịch sử, đời sống văn hóa các địa phương. Qua đó, sinh viên có được những hiểu biết, trải nghiệm thực tiễn để bổ sung, hỗ trợ và phục vụ cho việc giảng dạy Tiếng Anh khi ra trường.

b. Tại một trường đại học ở nước ngoài

Học phần tổ chức cho sinh viên tham quan thực tế tại một trường đại học ở nước ngoài (có ký kết hợp tác đào tạo với Trường ĐH Phú Yên) với các nội dung: học tập và trao đổi các chuyên đề về phương pháp giảng dạy Tiếng Anh; tham quan các cơ sở học thuật trong và ngoài trường, dự giờ và sinh hoạt giao lưu văn hóa với sinh viên các nước nhằm trao đổi văn hóa, kinh nghiệm học tập và thực hành ngôn ngữ.

Học phần còn tổ chức cho sinh viên tham quan những điểm du lịch ở nước ngoài nhằm giúp sinh viên có được những hiểu biết, trải nghiệm thực tiễn để bổ sung, hỗ trợ và phục vụ cho công việc khi ra trường.

Kinh phí: Theo quy định của Trường Đại học Phú Yên.

9.66. Thực tập sư phạm tốt nghiệp**7 TC**

Điều kiện tiên quyết: RLNVSPTX 4

- Thực tập sư phạm tốt nghiệp bao gồm:

+ Tìm hiểu tình hình địa phương, nhà trường thực tập.

+ Thực tập giảng dạy.

+ Thực tập công tác giáo dục.

+ Làm bài tập nghiên cứu khoa học.

9.67. Khóa luận tốt nghiệp**7 TC**

Điều kiện tiên quyết: sinh viên có kết quả điểm học tập (điểm tích lũy) từ HK1 đến HK6 đạt loại khá trở lên (theo qui định của nhà trường).

- Sinh viên chọn đề tài cho khóa luận tốt nghiệp theo đúng chuyên ngành đào tạo: Giảng dạy Tiếng Anh Trung học cơ sở hoặc Giảng dạy Tiếng Anh Tiểu học-Mầm non;

- Sinh viên sẽ được Khoa phân công giảng viên hướng dẫn và viết đề tài trong khoảng thời gian qui định của nhà trường;

- Sinh viên được miễn học 7 TC (tương ứng 3 HP thay thế khóa luận tốt nghiệp) như đã nêu trong chương trình.

9.68. Tiếng Anh chuyên ngành Văn hóa – Du lịch**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này trang bị cho người học kiến thức về các vấn đề cơ bản của ngành du lịch; giúp sinh viên có những kiến thức cần thiết về các đặc điểm, hoạt động và kỹ năng cần thiết về nghề du lịch; giới thiệu khái quát ngôn ngữ của ngành du lịch bằng tiếng Anh để từ đó sinh viên có thể rèn luyện, phát triển ngôn ngữ và kỹ năng trong lĩnh vực du lịch.

9.69. Ngôn ngữ và Văn hóa**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và khái niệm cơ bản về văn hóa và ngôn ngữ và mối quan hệ giữa hai hệ thống này. Các khái niệm và kiến thức này nhằm để dẫn nhập các đặc trưng về các mối quan hệ cùng các yếu tố chi phối ý thức về bản sắc dân tộc và văn hóa, sự khác biệt trong ý thức nhìn nhận bản sắc văn hóa giữa các tiểu vùng văn hóa hay quốc gia.

Sau khi hoàn thành học phần, người học có thể hiểu được các bình diện của văn hóa, ngôn ngữ như ý thức cộng đồng, tín hiệu với tư cách là một đơn vị ngôn ngữ và xã hội, các khác biệt về hành xử văn hóa và ngôn ngữ, cũng như cách nhìn nhận bản sắc văn hóa giữa các nhóm văn hóa.

9.70. Tiếp cận Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Tiểu học 1**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nêu ra những khó khăn và thách thức khi dạy trẻ một ngôn ngữ mới; làm nổi bật các đặc điểm và khả năng của trẻ khi học một ngôn ngữ mới; trang bị kiến thức cơ bản để nhận định, so sánh cách trẻ học ngôn ngữ 1 và ngôn ngữ 2; cung cấp các điều kiện cần thiết để hỗ trợ trẻ học tốt ngoại ngữ; Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về lý luận cũng như một số phương pháp giảng dạy từ vựng, kết hợp giảng dạy từ vựng với cấu trúc ngữ pháp, phát triển kỹ năng nghe nói thông qua các thể loại bài dạy từ sách giáo khoa.

9.71. Phương pháp dạy trẻ mầm non làm quen với Tiếng Anh 1**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giới thiệu chung những đặc điểm về tâm sinh lý, khả năng nhận thức cũng như khả năng tiếp thu ngôn ngữ mới của trẻ mầm non; cung cấp lý luận dạy học, phương pháp, kỹ thuật giảng dạy Tiếng Anh cho trẻ mầm non; nhấn mạnh giai đoạn đầu giúp trẻ làm quen và nhận biết âm, từ vựng và những cấu trúc câu Tiếng Anh đơn giản. Học phần

giới thiệu các chủ đề học tập phù hợp với lứa tuổi mầm non; hướng dẫn soạn giáo án của các thể loại bài dạy về âm (phonics), từ vựng theo chủ đề và các dạng câu giao tiếp đơn giản. Thông qua các hoạt động học tập trẻ sẽ tiếp tục phát triển nhân cách và nhận thức, bước đầu làm quen với kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, mạnh dạn khi trình bày ý kiến.

9.72. Tiếp cận Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Tiểu học 2 **2TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếp cận Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Tiểu học 1

Học phần cung cấp một số lý luận dạy học Tiếng Anh về các kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết cho học sinh tiểu học; trang bị một số phương pháp dạy học và kỹ thuật phát triển các kỹ năng ngôn ngữ, đặc biệt nhấn mạnh kỹ năng nghe và nói thông qua các thể loại bài học như: bài hội thoại, bài đọc hiểu, kể chuyện; giới thiệu qui trình các bước cơ bản để soạn và trình bày một giáo án cho các thể loại bài học phát triển các kỹ năng ngôn ngữ; kiến thức và kỹ thuật quản lý một tiết dạy-học thành công; trang bị các kỹ thuật sử dụng hiệu quả Tiếng Anh và Tiếng Việt trong giờ dạy học Tiếng Anh.

9.73. Phương pháp dạy trẻ mầm non làm quen với Tiếng Anh 2 **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: PP dạy trẻ mầm non làm quen với Tiếng Anh 1

Học phần tiếp tục trang bị các kỹ thuật, phương pháp giúp trẻ mầm non làm quen với Tiếng Anh; tiếp tục hướng dẫn soạn giáo án và tập giảng các thể loại bài học về nhận diện âm, từ vựng theo chủ đề, các dạng câu giao tiếp mở rộng hơn và phức tạp hơn; hướng dẫn các hoạt động trò chơi, bài hát, câu chuyện kể tương ứng các chủ đề giảng dạy; trang bị kỹ thuật quản lý lớp học phù hợp với đặc điểm trẻ mầm non.

10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

10.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1	Ngô Thị Kim Phượng, 1968, Phó Trưởng phòng Phòng Đào tạo	GVC, 2006	Ths, Việt Nam, 2005	Triết học	Triết học Mác - Lênin
2	Đào Văn Phượng, 1979, Giảng viên	GV	TS, Việt Nam, 2018	Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
3	Nguyễn Thị Trang, 1974, Trưởng Bộ môn Nguyên lý cơ bản CN Mac-Lênin	GV	Ths, Việt Nam, 2007	Sử - Chính trị	Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Trần Văn Tàu, 1975, Phó Trưởng khoa Khoa Lý luận chính trị	GVC, 2011	TS, Việt Nam, 2018	Lịch sử Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh
5	Võ Thị Minh Duyên, 1972, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Lịch sử Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
6	Nguyễn Thị Phượng, 1975, Trưởng Phòng Hành chính-Quản trị	GVC, 2017	Ths, Việt Nam, 2005	Luật hành chính	- Pháp luật đại cương
7	Võ Thị Ngọc Hoa, 1976, Phó Trưởng Khoa Khoa KHXH & NV	GVC, 2017	Ths, Việt Nam, 2006	Ngôn ngữ học so sánh	- Tiếng Việt thực hành - Dẫn luận ngôn ngữ học
8	Nguyễn Định, 1961, Phó Hiệu trưởng Phụ trách	GV	TS, Việt Nam, 2008	Văn hóa học	Cơ sở văn hóa Việt Nam
9	Nguyễn Thị Hạnh, 1970, Trưởng phòng Thanh tra	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2004	PPGD Tiếng Pháp	Tiếng Pháp 1, 2, 3
10	Lê Thị Kim Anh, 1987, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2013	Khoa học máy tính	Tin học đại cương
11	Nguyễn Huy Vũ, 1985, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2013	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 1
12	Nguyễn Quốc Trâm, 1983, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2014	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 2
13	Lê Đức Hiếu, 1979, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2011	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 3
14	Nguyễn Minh Cường, PTK Khoa GDTC&GDQP	GV	TS, Việt Nam, 2020	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 4

16	Trường Sĩ quan Thông tin				Giáo dục quốc phòng – an ninh
17	Phan Thị Lan, 1971, Trưởng Bộ môn Tâm lý học	GV	Ths, Việt Nam, 2005	Tâm lý học	- Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm THCS - Lý luận giáo dục THCS và lý luận dạy học THCS
18	Nguyễn Hoài Uyên, 1981, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2017	Giáo dục học	- Tâm lý học đại cương - Giáo dục học đại cương
19	Châu Thị Hồng Nhự, 1986, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2010	Giáo dục học	- Rèn luyện NVSP thường xuyên 2 - Giáo dục học đại cương
20	Lê Bạt Sơn, 1968, Phó Trưởng Khoa Sư phạm	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Quản lý giáo dục	- Quản lý nhà trường - Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục
21	Trần Thị Hồng Vân, 1972, Phó Trưởng khoa PT. Khoa Nghệ thuật	GV	Ths, Việt Nam, 2014	LLPPDH Âm nhạc	Âm nhạc đại cương
22	Phan Thị Lan, 1971, Trưởng Bộ môn Mỹ thuật	GV	Ths, Thái Lan, 2012	Nghệ thuật thị giác	Thiết kế đồ dùng trực quan phục vụ giảng dạy Tiếng Anh
23	Phan Thị Ánh Tuyết, 1968, Phó Trưởng khoa Sư phạm	GV	Ths, Việt Nam, 2005	Văn học	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm
24	Giảng viên Khoa Ngoại ngữ				Tham quan thực tế
25	Hoàng Lưu Bảo, 1971, Giám đốc Thư viện	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2008	Ngôn ngữ Anh	- Ngữ nghĩa học - Nghe 3
26	Nguyễn Thị Xuân Duyên, 1971, Giảng viên	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2007	Ngôn ngữ Anh	- Kỹ năng giao tiếp - Kỹ năng thuyết trình
27	Châu Văn Đôn, 1967, Phó Trưởng Khoa PT- Khoa Ngoại ngữ	GVC, 2009	TS, Việt Nam, 2020	LL&PPGD Tiếng Anh	- Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Trung học cơ sở 1, 2, 3, 4 - Ngôn ngữ và văn hóa
28	Hồ Thị Việt Luận, 1970, Trưởng Bộ môn Tiếng Anh chuyên ngữ	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	LL&PPGD Tiếng Anh	- Tiếp cận Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Tiểu học 1, 2 - Nghe 1
29	Hồng Ái Nga, 1970, Trưởng Bộ môn Tiếng Anh Chuyên ngành	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2006	Ngôn ngữ Anh	- Nói 1, 2, 3 - Ngữ âm – Âm vị học
30	Lê Thị Băng Tâm, 1973, Giảng viên	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2006	Ngôn ngữ Anh	- Viết 1, 2, 3 - Tiếng Anh chuyên ngành Văn hóa – du lịch
31	Võ Thị Kim Thoa, 1968, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam,	Ngôn ngữ Anh	- Ngữ pháp 1, 2

			2008		- Kỹ năng Biên phiên dịch
32	Lê Thị Anh Phương, 1958, Giảng viên	GVC, 2006	TS, Úc, 2008	Education (TESOL)	- Văn học Mỹ
33	Phạm Như Quỳnh, 1988, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2016	LL&PPGD Tiếng Anh	- Luyện âm - Từ vựng học
34	Hoàng Liên Hương, 1990, Giảng viên	GV	Ths, Úc, 2015	LL&PPGD Tiếng Anh	- Đọc 3 - Nghe 2
35	Nguyễn Như Ý, 1988, Viên chức Phòng Tổ chức cán bộ	GV	Ths, Việt Nam, 2016	Ngôn ngữ Anh	- Đất nước học Mỹ - Đất nước học Anh
36	Trần Lê Anh Thư, 1993, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2019	Ngôn ngữ Anh	- Đọc 1, 2 - Tiếng Anh tổng hợp B2
37	Khoa Ngoại ngữ và Khoa Sư phạm				- Rèn luyện NVSP thường xuyên 1, 2, 3, 4

10.2. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1	Đặng Ngọc Hiếu, 1956, nguyên Giảng viên Trường Đại học Ngoại ngữ Huế	GV	Ths, Úc, 1998	Education (TEFL)	Văn học Anh
2	Hà Văn Sinh, 1957, nguyên Giảng viên Trường Đại học Phú Yên	GV	TS, Úc, 2003	Education (Language Teacher Education)	- Phương pháp dạy trẻ mầm non làm quen với Tiếng Anh 1, 2
3	Trần Văn Phước, 1955, nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ Huế	PGS, 2006 GVCC	TS, Úc, 2001	Linguistics	- Cú pháp học - Giao thoa văn hóa
4	Tôn Nữ Phương Thảo, 1964, nguyên Trưởng Khoa Trường Đại học Phú Yên	GVC	Ths, Úc, 2003	Education (TESOL)	- Văn hóa các nước nói Tiếng Anh

11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

11.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng:

- Các phòng học có diện tích, trang bị bảng đen viết phấn, bàn ghế và ánh sáng đúng qui chuẩn đại học.
- Các phòng học có trang bị các các phương tiện dạy học: quạt trần, máy chiếu, màn hình, Tivi, loa, micro, wifi.
- 1 phòng đặc thù (language laboratory) để rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ bằng Tiếng Anh.
- 1 phòng đặc thù để rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và dạy học các học phần thực hành phương pháp giảng dạy Tiếng Anh.
- 2 phòng máy tính để dạy học các học phần Tin học đại cương, Ứng dụng CNTT trong dạy học Tiếng Anh.

11.2. Thư viện:

- Tổng diện tích thư viện: 1236 m², trong đó diện tích phòng đọc: 512 m².
- Số chỗ ngồi: 200; Số máy tính phục vụ tra cứu: 46.
- Phần mềm quản lý thư viện: Phần mềm quản lý tích hợp Libol 5.5.
- Thư viện điện tử: đã kết nối được với thư viện điện tử của một số trường đại học trong nước.

11.3. Danh mục giáo trình, tài liệu chính của ngành đào tạo

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1	Giáo trình Triết học Mác – Lênin	Bộ GD&ĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Triết học Mác - Lênin
2	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ GD&ĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Kinh tế chính trị Mác - Lênin
3	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ GD&ĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ GD&ĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
5	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ GD&ĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	Giáo trình Pháp luật Đại cương	Bộ GD&ĐT	ĐHSP, Hà Nội	2015		Pháp luật đại cương
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Võ Thị Ngọc Lan	Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	2012		Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục
8	Giáo trình ngôn ngữ học đại cương	Hoàng Dũng	ĐHSP HN	2007		Dẫn luận ngôn ngữ học
9	Âm nhạc và PPDH âm nhạc	Nguyễn Hoàng Thông	Giáo dục	2007		Âm nhạc đại cương
10	Giáo trình hoa trang trí	Nguyễn Thị Diệu Thảo	Đại học Sư phạm	2007		Thiết kế đồ dùng trực quan phục vụ

					giảng dạy Tiếng Anh
11	Tài liệu hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo cho học sinh	Trương Xuân Cảnh	Giáo dục	2017	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm
12	Tiếng Việt thực hành	Bùi Minh Toán – Nguyễn Quang Ninh	Đại học sư phạm	2003	Tiếng Việt thực hành
13	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	Giáo dục Hà Nội	1999	Cơ sở văn hóa Việt Nam
14	Le Nouveau Taxi! 1,2	Guy Capelle et Robert Menand	Hachette Livre, Paris	2009	Tiếng Pháp 1, 2, 3
15	Giáo trình tin học đại cương Tin học Văn phòng Microsoft Office	- Nhóm tác giả trường Đại học Kinh tế TP. HCM - Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến	- Lao động – Xã hội - Thời Đại	2012 2014	Tin học đại cương
16	Giáo trình Thể dục	Trương Anh Tuấn	ĐHSP	2004	Thể dục
17	Giáo trình Điền kinh	Nguyễn Kim Minh	ĐHSP Hà Nội	2004	Điền kinh
18	Sách Giáo trình Cầu lông	Nguyễn Trọng Hải Đào Chí Thành	ĐHSP	2004	Cầu lông 1,2
19	Giáo trình Bóng chuyền	Nguyễn Việt Minh	ĐHSP	2003	Bóng chuyền 1,2
20	Bóng đá: Giáo trình CĐSP	TS Phạm Quang	ĐHSP	2003	Bóng đá 1,2
21	Tâm lý học	Nguyễn Quang Uẩn	Giáo dục	2004	Tâm lý học đại cương
22	Giáo trình Tâm lí học	Bùi Văn Huệ	Đại học sư phạm	2008	Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm THCS
23	Giáo dục học tiểu học I	Đặng Vũ Hoạt, Phó Đức Hòa	ĐHSP	2008	Lý luận giáo dục tiểu học & Lý luận dạy học THCS
24	Giáo dục học	Vũ Thị Qui	Giáo dục	2006	Giáo dục học đại cương
25	Quản lý và lãnh đạo nhà trường	Bùi Minh Hiền – Nguyễn Vũ Bích Hiền	Đại học Sư phạm	2015	Quản lí nhà trường
26	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	Nguyễn Việt	Giáo dục	2007	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1, 2
27	Motivating Learning	Janes Boylan	British Council Publisher	2009	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 3,4
28	Work on your accent (Clearer pronunciation for better	Collins	TH Tp. HCM	2013	Luyện âm

	communication)				
29	English Phonetics and Phonology	Hồng Ái Nga	ĐH Phú Yên	2011	Ngữ âm-Âm vị học
30	Destination B2 – Grammar and Vocabulary	Malcom Mann & Steve Taylore-Knowles	Macmillan	2012	Ngữ pháp 1, 2
31	Approaches to Translation	Peter Newmark	Fergamon Institute of English, Oxford	1981	Kỹ năng Biên phiên dịch
32	Ngữ nghĩa học Tiếng Anh -English Semantics	Tô Minh Thanh	ĐH KHXHNV Tp HCM	2010	Ngữ nghĩa học
33	An introduction to modern English lexicology	Đoàn Minh	Hà Nội	2001	Từ vựng học
34	An Outline of Syntax	Nguyễn Hòa Lạc	TPHCM	1995	Cú pháp học
35	Intercultural Business Communication	Gibson, R.	New York: Oxford.	2002	Giao thoa văn hóa
36	English-Speaking Countries' Cultures, Internal Circular	Ton Nu Phuong Thao	Lưu hành nội bộ	2015	Văn hóa các nước nói Tiếng Anh
37	Britain-The Country and Its People: An Introduction for Learners of English	James O'Driscoll	Oxford University Press	1997	Đất nước học Anh
38	The American Ways. An Introduction to American Culture	Datesman. Leslie K.; Crandall, JoAnn & Kearny Edward N.	New Jersey: Prentice Hall Regents	1997	Đất nước học Mỹ
39	British Literature	Gloria M.H & S. Waller & D. Bill	Addition Wesley Educational Publishers Inc.	2001	Văn học Anh
40	American Literature	The U.S. Department of State	Global Publishing Solutions	2012	Văn học Mỹ
41	Presenting in English, How To Give Successful Presentations	Powell, M	Thomson Heinle	2002	Kỹ năng thuyết trình
42	Communication Skills	Richard Worth	Ferguson Publishing Company	2004	Kỹ năng giao tiếp
43	Tactics for Listening -Developing- Third Edition.	Jack C. Richards	OUP	2010	Nghe 1
44	Tactics for Listening –Expanding- Third Edition	Jack C. Richards	OUP	2010	Nghe 2, 3

45	Collins English For Life-Listening B2+ Intermediate	Ian Badger	Tổng hợp TPHCM	2013	Nghe 3
46	SPEAK NOW 2-Communicate with Confidence	Jack C. Richards & David Bohlke	OUP	2012	Nói 1
47	SPEAK NOW 3- Communicate with Confidence	Jack C. Richards & David Bohlke	OUP	2012	Nói 2
48	Speaking B2 – Upper Intermediate, Collins English for life.	Nicola Prentis	Tổng hợp TPHCM	2014	Nói 3
49	Active Skill for Reading 1	Anderson, Neil J.	Thomson Heinle	2013	Đọc 1
50	Active Skill for Reading 2	Anderson, Neil J.	Thomson Heinle	2013	Đọc 2
51	Active Skill for Reading 3	Anderson, Neil J.	Thomson Heinle	2013	Đọc 3
52	Paragraph Writing – From Sentence to Paragraph	Dorothy E Zemach & Carlos Islam	MacMillan	2007	Viết 1, 2
53	Academic Writing from Paragraph to essay	Dorothy E Zemach & Lisa A	Dong Nai	2006	Viết 3
54	Teaching and Learning in the Language Classroom	Tricia Hedge	OUP	2000	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh THCS 1
55	Learning Teaching- A guidebook for English Language Teacher	Jim Scrivener	Macmillan	2011	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh THCS 2, 3
56	Testing for Language Teachers	Arthur Hughes	CUP	2003	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh THCS 4 (Kiểm tra – Đánh giá)
57	- Motivating Learning -Tài liệu của HDAh	-Janes Boylan	British Council Publisher	2014	Tiếp cận Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Tiểu học 1,2
58	Teaching Languages To Young Learners	Lynne Cameron	CUP	2010	Phương pháp dạy trẻ mầm non làm quen với Tiếng Anh
59	Language and Culture	Claire Kramsch	OUP	2003	Ngôn ngữ và Văn hóa
60	English for Careers Tourism I	Walker, R. & Harding, K.	Oxford University Press	2010	Tiếng Anh chuyên ngành Văn hóa -Du lịch
61	Practice Tests for the Cambridge English: First (FCE)	HQ.Mitchell	Macmillan	2018	Tiếng Anh Tổng hợp B2

11.4. Danh mục giáo trình, sách, tài liệu tham khảo của ngành đào tạo

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1	Triết học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	1997		Triết học Mác - Lênin
2	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2016		Kinh tế chính trị Mác - Lênin
3	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2006		Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2016		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
5	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2006		Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	Pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn	Chính trị quốc gia, Hà Nội	2012		Pháp luật đại cương
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Phạm Minh Hoàng, Chu Trọng Tuấn	Giáo dục Hà Nội	2007		Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục
8	Giáo trình cơ sở ngôn ngữ học và Tiếng Việt	Bùi Tất Tươi	Giáo dục	1997		Dẫn luận ngôn ngữ học
9	Lý thuyết âm nhạc cơ bản	PGS-TS Phạm Tú Hương	Đại học Sư Phạm	2009		Âm nhạc đại cương
10	Giáo trình hoa trang trí	Nguyễn Thị Diệu Thảo	ĐHSP	2007		Thiết kế đồ dùng trực quan phục vụ giảng dạy Tiếng Anh
11	Cẩm nang kỹ thuật soạn thảo văn bản	Hoàng Giang	Lao động xã hội	2008		Tiếng Việt thực hành
12	Góp phần nghiên cứu văn hoá Việt Nam, tập I, Tái bản.	Nguyễn Văn Huyền	Khoa học xã hội, Hà Nội	1995		Cơ sở văn hóa Việt Nam
13	Campus 1	Jacky Girardet & Jacques Téchreur	CLE International, Paris	2006		Tiếng Pháp 1, 2, 3
14	Giáo trình lý thuyết và thực hành tin học văn phòng	Hoàng Đức Hải và Nguyễn Đình Tê	Lao động xã hội	2006		Tin học đại cương
15	Giáo trình thể dục	Vũ Thanh Sơn	Đại học Sư Phạm.	2003		Thể dục
16	Huấn luyện kỹ - chiến thuật Cầu	Nguyễn Hạc Thúy	TĐTT	2001		Cầu lông 1, 2

	lông hiện đại					
17	Luật Bóng bàn		Liên Đoàn Bóng bàn Việt Nam	2006		Bóng bàn 1, 2
18	Bước đầu tìm hiểu Võ học Việt Nam		TDTT Hà Nội	2006		Võ cổ truyền Việt Nam 1, 2
19	Luật Điền kinh		TDTT	1997		Điền kinh
20	Luật bóng đá		TDTT	2007		Bóng đá 1, 2
21	Tài liệu của Học viện kỹ thuật quân sự					Giáo dục quốc phòng
22	Tâm lý học	Nguyễn Quang Uẩn, Trần Trọng Thủy	Đại học Sư phạm	2004		Tâm lý học đại cương
23	Bài tập thực hành Tâm lý học	Trần Trọng Thủy	Giáo dục	1990		Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm THCS
24	Giáo dục học	Đặng Vũ Hoạt,	ĐHSP Hà Nội	2008		Giáo dục học đại cương
25	Quản lý nhà trường	PGS.TS. Đặng Quốc Bảo	Giáo dục Việt Nam	2011		Quản lý Nhà trường
26	Giao tiếp sư phạm	Hoàng Anh, Nguyễn Kim Thanh	Hà Nội	1995		Rèn luyện NVSP thường xuyên 1,2
27	Children Learning English- A Guidebook for English Language Teachers	Jayne Moon	Macmillan.	2005		Rèn luyện NVSP thường xuyên 3,4
28	Ship or Sheep, 3 rd Edition	Ann Baker	CUP	2007		Luyện âm
29	English Phonetics and Phonology	Peter Roach	CUP	1991		Ngữ âm-Âm vị học
30	Grammar for FCE – Self-study Grammar Reference and Practice,	Hashemi L. & Thomas B.	Đồng Nai	2008		Ngữ pháp 1
31	Grammar for IELTS – Self-study Grammar Reference and Practice	Hashemi L. & Thomas B.	Đồng Nai	2008		Ngữ pháp 2
32	About Translation	Peter Newmark	Centre for Translation and	1991		Kỹ năng Biên phiên dịch

			Language Studies, University of Surrey			
33	Semantics	Pragmatics James R. Hurford	CUP	2007		Ngữ nghĩa học
34	Basic English Lexicology	ĐHSP NNHN	Lưu hành nội bộ	1999		Từ vựng học
35	English Syntax, A Grammar for English Language Professionals	Jacobs, Roderick A.	OUP	1995		Cú pháp học
36	Language, Culture and Society.	Christine Jourdan and Kevin Tuite	CUP	2006		Giao thoa văn hóa
37	Understanding Intercultural Communication	Ting-Toomey, S., & Chung, L.C.	Los Angeles: Roxbury Publishing Company	2005		Văn hóa các nước nói Tiếng Anh
38	Britain in Close-Up	McDowall, David	Pearson Education Ltd	2002		Đất nước học Anh
39	American Ways. A Guide for Foreigners in the United States	Althen, Gary.	Intercultural Press	2003		Đất nước học Mỹ
40	A History of English Literature	Alexandre, M	Palgrave Foundations, NY.	2000		Văn học Anh
41	Literature and Ourselves,	Gloria M.H., Waller, S. & Bill, D.	Addition Wesley Educational Publishers Inc.	2001		Văn học Mỹ
42	Collins English For Life- Listening B1+ Intermediate	Ian Badger	Tổng hợp TPHCM	2013		Nghe 1,2
43	Collins English For Life- Listening B2+ Intermediate	Ian Badger	Tổng hợp TPHCM	2013		Nghe 3
44	Experts in Language Assessment, UCLES.	University of Cambridge ESOL Examinations	CUP	2008		Nói 1, 2
45	Speaking B2 – Upper Intermediate, Collins English for life.	Nicola Prentis	Tổng hợp TPHCM	2014		Nói 3
46	Reading B1	Anna Osborn	Tổng hợp TPHCM	2012		Đọc 1, 2
47	Reading B2	Anna Osborn	Tổng hợp TPHCM	2013		Đọc 3

48	Writing (B1+ Intermediate)	Kirsten Campbell-Howes & Clare Dignall	Tổng hợp TPHCM	2013		Viết 1, 2
49	Writing (B2+ Upper Intermediate)	Genevieve White	Tổng hợp TPHCM	2014		Viết 3
50	Deliver better presentations, student learning development	https://le.ac.uk/	University of Leicester	1989		Kỹ năng thuyết trình
51	Handbook on Communication Skills	Richard Worth	Ferguson Publishing Company	2004		Kỹ năng giao tiếp
52	Methodology in Language Teaching	Jack C. Richards and Willy A. Renandya.,	CUP	2002		Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh THCS 1, 2, 3 (
53	Fundamental Considerations in Language Testing	Lyle F. Bachman	OUP	1997		Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh THCS 4 (Kiểm tra – Đánh giá)
54	Teaching Young Language Learners	Annamaria Pinter	OUP	2009		Tiếp cận Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh tiểu học 1, 2
55	Phonics	Kaj Schwermer	OUP	2012		Phương pháp dạy trẻ mầm non làm quen với Tiếng Anh 1,2
56	English for Hotel and Tourist Industry	Hoàng Nguyên	ĐHSP. TPHCM	2012		Tiếng Anh Chuyên ngành Văn hóa - Du lịch
57	Context and Culture in Language Teaching	Claire Kramersch	OUP	2004		Ngôn ngữ và Văn hóa

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

12.1. Thực hiện theo quy trình đào tạo hệ thống tín chỉ

a) Giảng viên:

- Mỗi giảng viên giảng dạy các học phần rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ và Phương pháp giảng dạy không quá 25-35 sinh viên/nhóm.
- Thứ tự giảng dạy các học phần cần thực hiện theo đúng trình tự như đã phân phối trong chương trình.
- Lựa chọn giáo trình và học liệu giảng dạy phù hợp để đảm bảo cho người học đạt được những chuẩn kiến thức nhất định ở từng giai đoạn.
- Đổi mới phương pháp dạy học theo quan điểm giao tiếp và tăng cường cung cấp tài liệu tham khảo cho người học;
- Hướng dẫn cho người học tự học với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin, Internet để nâng cao kỹ năng thực hành tiếng;
- Tối ưu hoá phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá tiên tiến phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ để đảm bảo được mục tiêu đào tạo;
- Tổ chức các hoạt động như seminar, hội thảo chuyên đề, case study song song với các hoạt động giảng dạy truyền thống;
- Tận dụng mọi cơ hội để người học được thực hành các kỹ năng ngôn ngữ và nghiệp vụ sư phạm;
- Khai thác các phương tiện kỹ thuật để nâng cao hiệu quả giảng dạy, tăng cường việc tổ chức hoạt động ngoại khoá, giao lưu với các cơ sở giảng dạy và nghiên cứu, sử dụng tiếng Anh trong và ngoài nước;

b) Sinh viên:

- Tích cực học tập, tham dự các tiết học lý thuyết, chuẩn bị bài thực hành đầy đủ.
- Gắn kết lý thuyết và thực hành; tăng cường thực hành, thực tập và tham gia các hoạt động ngoại khoá hỗ trợ việc thực hành tiếng.
- Sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp theo quy định của nhà trường.

12.2. Định hướng phát triển năng lực sinh viên

- Tập trung phát triển năng lực chuyên môn, năng lực nghề nghiệp, năng lực tự học, năng lực bồi dưỡng chuyên môn và học tập suốt đời.
- Gắn kết lý thuyết và thực hành; tăng cường thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động.
- Tập dượt cho sinh viên nghiên cứu khoa học.

12.3. Đảm bảo các điều kiện phục vụ đào tạo

- Phòng học, phòng thực hành:
 - + Phòng học các môn kỹ năng tiếng phải được trang bị Projector, máy vi tính có kết nối Internet và loa.
 - + Trang bị phòng học đặc thù cho hoạt động tập giảng và rèn luyện NVSP thường xuyên.
- Thư viện, học liệu: cung cấp đủ tài liệu giảng dạy và tham khảo cho từng học phần.

